













**B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)**

**Câu 51:** Biết đồng vị phóng xạ  $^{14}_6\text{C}$  có chu kì bán rã 5730 năm. Giả sử một mẫu gỗ cổ có độ phóng xạ 200 phân rã/phút và một mẫu gỗ khác cùng loại, cùng khối lượng với mẫu gỗ cổ đó, lấy từ cây mới chặt, có độ phóng xạ 1600 phân rã/phút. Tuổi của mẫu gỗ cổ đã cho là

- A. 17190 năm.      B. 1910 năm.      C. 2865 năm.      D. 11460 năm.

**Câu 52:** Để kiểm chứng hiệu ứng Dop-ple, người ta bố trí trên một đường ray thẳng một nguồn âm chuyển động đều với tốc độ 30 m/s, phát ra âm với tần số xác định và một máy thu âm đứng yên. Biết âm truyền trong không khí với tốc độ 340 m/s. Khi nguồn âm lại gần thì máy thu đo được tần số âm là 740 Hz. Khi nguồn âm ra xa thì máy thu đo được tần số âm là

- A. 780 Hz.      B. 820 Hz.      C. 620 Hz.      D. 560 Hz.

**Câu 53:** Chùm tia X phát ra từ một ống tia X (ống Cu-lít-giơ) có tần số lớn nhất là  $6 \cdot 10^{16}$  Hz. Bỏ qua động năng các electron khi bút ra khỏi catôt. Hiệu điện thế giữa anôt và catôt của ống tia X là

- A. 13,25 kV.      B. 2,65 kV.      C. 5,30 kV.      D. 26,50 kV.

**Câu 54:** Mạch dao động dùng để chọn sóng của một máy thu vô tuyến điện gồm tụ điện có điện dung  $C_0$  và cuộn cảm thuần có độ tự cảm L. Máy này thu được sóng điện từ có bước sóng 20 m. Để thu được sóng điện từ có bước sóng 60 m, phải mắc song song với tụ điện  $C_0$  của mạch dao động một tụ điện có điện dung

- A.  $C = C_0$ .      B.  $C = 2C_0$ .      C.  $C = 4C_0$ .      D.  $C = 8C_0$ .

**Câu 55:** Trong chuyển động quay của vật rắn quanh một trục cố định, momen quán tính của vật đối với trục quay

- A. tỉ lệ với gia tốc góc của vật.      B. tỉ lệ với momen lực tác dụng vào vật.  
C. phụ thuộc tốc độ góc của vật.      D. phụ thuộc vị trí của vật đối với trục quay.

**Câu 56:** Một động cơ điện xoay chiều khi hoạt động bình thường với điện áp hiệu dụng 220 V thì sinh ra công suất cơ học là 170 W. Biết động cơ có hiệu suất cơ học 85 và công suất tỏa nhiệt trên dây quấn động cơ là 17 W. Bỏ qua các hao phí khác, cường độ dòng điện cực đại qua động cơ là

- A. 1 A.      B.  $\sqrt{3}$  A.      C.  $\sqrt{2}$  A.      D. 2 A.

**Câu 57:** Một vật rắn đang quay đều quanh trục cố định  $\Delta$  với tốc độ góc 30 rad/s thì chịu tác dụng của một momen hãm có độ lớn không đổi nên quay chậm dần đều và dừng lại sau 2 phút. Biết momen quán tính của vật rắn này đối với trục  $\Delta$  là  $10 \text{ kg}\cdot\text{m}^2$ . Momen hãm có độ lớn bằng

- A. 3,5 N.m.      B. 3,0 N.m.      C. 2,5 N.m.      D. 2,0 N.m.

**Câu 58:** Một mạch dao động LC tương đương cuộn cảm thuần có độ tự cảm L và tụ điện có điện dung C đang có dao động điện từ tự do. Tại thời điểm  $t = 0$ , hiệu điện thế giữa hai bản tụ có giá trị cực đại là  $U_0$ . Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Năng lượng từ trường của mạch ở thời điểm  $t = \frac{\pi}{2}\sqrt{LC}$  là  $\frac{CU_0^2}{4}$ .  
B. Hiệu điện thế giữa hai bản tụ điện bằng 0 lần thứ nhất ở thời điểm  $t = \frac{\pi}{2}\sqrt{LC}$ .  
C. Năng lượng từ trường cực đại trong cuộn cảm là  $\frac{CU_0^2}{2}$ .  
D. Cường độ dòng điện trong mạch có giá trị cực đại là  $U_0\sqrt{\frac{C}{L}}$ .

**Câu 59:** Một chất điểm khối lượng m, quay xung quanh trục cố định  $\Delta$  theo quỹ đạo tròn tâm O, bán kính r. Trục  $\Delta$  qua tâm O và vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo. Tại thời điểm t, chất điểm có tốc độ dài, tốc độ góc, gia tốc hướng tâm và động lượng lần lượt là v,  $\omega$ ,  $a_n$  và p. Momen động lượng của chất điểm đối với trục  $\Delta$  được xác định bởi

- A.  $L = mr\omega$ .      B.  $L = pr$ .      C.  $L = ma_n$ .      D.  $L = mvr^2$ .

**Câu 60:** Một bánh đà có momen quán tính đối với trục quay cố định của nó là  $0,4 \text{ kg}\cdot\text{m}^2$ . Để bánh đà tăng tốc từ trạng thái đứng yên đến tốc độ góc  $\omega$  phải tốn công 2000 J. Bỏ qua ma sát. Giá trị của  $\omega$  là

- A. 50 rad/s.      B. 100 rad/s.      C. 10 rad/s.      D. 200 rad/s.

----- HẾT -----